



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

PHẦN 1

BÁO CÁO TỔNG KẾT KINH DOANH NĂM 2025

1. Bối cảnh thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục vận động trong bối cảnh chính trị chưa ổn định. Cạnh tranh chiến lược toàn diện giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc vẫn duy trì ở mức cao; xung đột tại Ukraine chưa được giải quyết dứt điểm; trong khi bất ổn tại một số khu vực Trung Đông tiếp tục tác động đến thị trường năng lượng và chuỗi vận tải toàn cầu. Xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng, gia tăng bảo hộ thương mại và thúc đẩy nội địa hóa sản xuất tiếp tục định hình môi trường kinh doanh quốc tế.

Tuy nhiên, năm 2025 ghi nhận những tín hiệu tích cực rõ nét hơn. Lạm phát tại nhiều nền kinh tế lớn cơ bản được kiểm soát, tạo điều kiện để các ngân hàng trung ương từng bước chuyển sang chính sách tiền tệ linh hoạt hơn. Thanh khoản thị trường cải thiện, hoạt động đầu tư và tiêu dùng dần phục hồi. Theo dự báo của IMF và World Bank, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 ước đạt khoảng 2,9% – 3,3%, nhỉnh hơn năm trước nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình dài hạn.

Trong lĩnh vực năng lượng, theo dự báo của International Energy Agency, nhu cầu dầu toàn cầu năm 2025 ước đạt khoảng 103,5 – 104 triệu thùng/ngày, tăng nhẹ so với năm 2024. Giá dầu duy trì trong biên độ tương đối ổn định, tạo nền tảng để các tập đoàn năng lượng tiếp tục triển khai kế hoạch đầu tư thăm dò và khai thác, đặc biệt tại các khu vực nước sâu và mở cận biên. Điều này góp phần duy trì đà phục hồi của chuỗi giá trị dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

Hoạt động khai thác gia tăng và nhu cầu tối ưu sản lượng tại các mỏ hiện hữu đã thúc đẩy nhu cầu đối với dịch vụ khảo sát địa chấn, khoan, vận hành và bảo dưỡng giếng, cũng như dịch vụ tàu hỗ trợ ngoài khơi. Nhờ đó, các doanh nghiệp dịch vụ được hưởng lợi từ tỷ lệ sử dụng thiết bị và giá thuê cải thiện.

Bên cạnh cơ hội phục hồi, thách thức vẫn hiện hữu trong năm 2025. Biến động giá nhiên liệu và vật tư kỹ thuật chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố địa chính trị; chi phí nhân sự chất lượng cao tiếp tục gia tăng. Đồng thời, các tiêu chuẩn về an toàn, môi trường và chuyển đổi năng lượng ngày càng khắt khe, đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư đáng kể vào nâng cấp công nghệ, giảm phát thải và tuân thủ các yêu cầu ESG. Ngoài ra, rào cản kỹ thuật và chính sách ưu tiên doanh nghiệp nội địa tại một số thị trường tiếp tục tạo áp lực đối với hoạt động mở rộng quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CANG



2. Hoạt động và chiến lược phát triển của TCO

Công ty Cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng (TCO) là đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn (SNP). Trong năm 2025, TCO tiếp tục nhận được sự hỗ trợ và định hướng kịp thời từ SNP trong công tác sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - quốc phòng.

Là một trong những đơn vị uy tín hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp tàu dịch vụ dầu khí tại Việt Nam, TCO đã không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, củng cố niềm tin với khách hàng và đối tác trong nước cũng như quốc tế. Công ty tiếp tục đầu tư trang thiết bị, trẻ hóa đội tàu dịch vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo phương tiện hiện đại, đa dạng về chủng loại và đáp ứng tốt các yêu cầu kỹ thuật, an toàn của các nhà thầu trong và ngoài nước.

Bên cạnh việc duy trì thị trường trong nước, TCO đã đẩy mạnh chiến lược mở rộng dịch vụ hàng hải ngoài khơi tại Đông Nam Á, đặc biệt tại Thái Lan, Myanmar, Malaysia. Trong năm 2025 TCO đánh dấu thành công trong việc mở thị trường mới tại UAE. Các văn phòng đại diện ở nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển thị trường và thiết lập quan hệ hợp tác bền vững với các đối tác chiến lược.

Dù đối mặt với nhiều thách thức, năm 2025 đánh dấu sự phát triển vững chắc của TCO trong bối cảnh thị trường đầy biến động. Những bước đi chiến lược của Công ty không chỉ giúp củng cố vị thế trong ngành mà còn tạo tiền đề quan trọng cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

TCO đã chủ động triển khai nhiều giải pháp và tối ưu mọi nguồn lực, hoàn thành kế hoạch đề ra cho năm 2025. Kết thúc năm, doanh thu hợp nhất đạt 5.587,53 tỷ đồng, tương đương 101,15% kế hoạch và tăng trưởng 42,37% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 1.123,70 tỷ đồng, vượt 164,28% kế hoạch và tăng 129,18% so với năm 2024.

Bên cạnh kết quả hợp nhất, công ty mẹ cũng ghi nhận mức tăng trưởng cao so với kế hoạch và năm trước. Cụ thể, tổng doanh thu đạt 3.269,83 tỷ đồng, tương ứng 134,73% kế hoạch và tăng 54,42% so với thực hiện năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.078,49 tỷ đồng, tương ứng 214,33% kế hoạch và tăng 136,36% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 901,75 tỷ đồng, tương ứng 207,18% kế hoạch và tăng 132,64% so với năm 2024.

Dưới đây là chi tiết kết quả thực hiện hợp nhất và công ty mẹ.

3.1. Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: triệu đồng

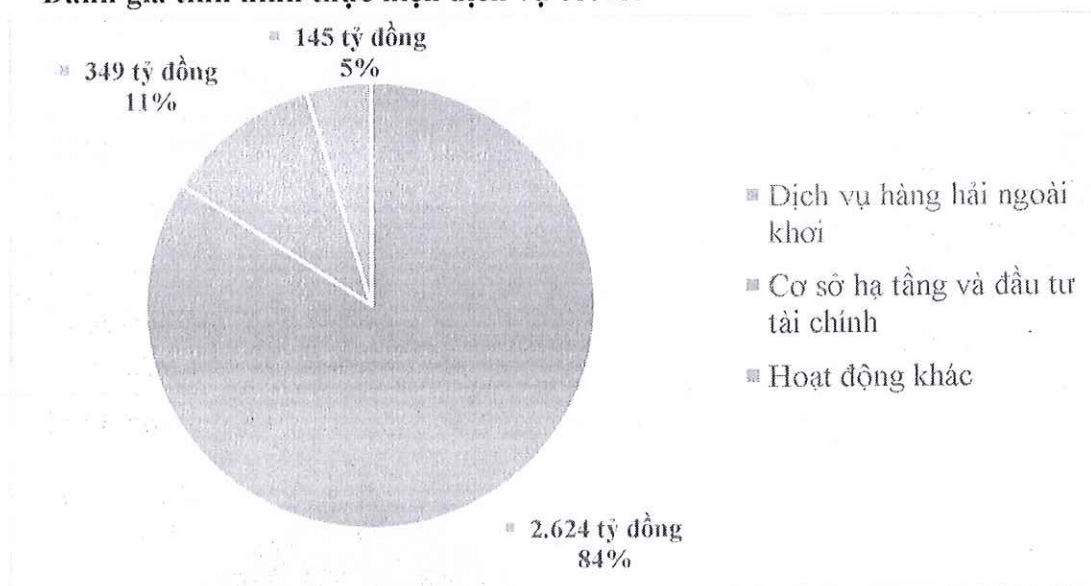
Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 (KH)	Thực hiện 2025 (TH)	Tỷ lệ (TH/KH)
1	Tổng doanh thu hợp nhất	3.924,63	5.524,00	5.587,53	101,15%
2	Lợi nhuận sau thuế	490,31	684,00	1.123,70	164,28%

3.2. Kết quả kinh doanh công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025 (KH)	Thực hiện 2025 (TH)	Tỷ lệ (TH/KH)
1	Tổng doanh thu	2.117,51	2.426,92	3.269,83	134,73%
2	Lợi nhuận trước thuế	456,29	503,20	1.078,49	214,33%
3	Lợi nhuận sau thuế	387,62	435,26	901,75	207,18%
4	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	1,25		2,00	

3.3. Đánh giá tình hình thực hiện dịch vụ cốt lõi



Là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của TCO, bao gồm các mảng kinh doanh sau:

- Tàu dịch vụ dầu khí và bảo vệ địa chấn;
- Dịch vụ lai dắt và cứu hộ trên biển;
- Vận chuyển bằng sà lan và tàu kéo;
- Dịch vụ khảo sát công trình ngầm.

Trong năm 2025, ngành dịch vụ hàng hải ngoài khơi tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do sự cạnh tranh gay gắt, suy giảm nhu cầu và giảm khối lượng công việc trong nước. Tuy nhiên với việc chứng minh được năng lực vượt trội, trong năm 2025 TCO tiếp tục khẳng định vị thế của mình là đơn vị cung cấp dịch vụ hàng hải cho ngành dầu khí tại Việt Nam và khu vực. Đồng thời, công ty cũng nâng tầm dịch vụ với việc liên doanh cùng các nhà thầu khác để thực hiện các gói thầu mua sắm & xây lắp công trình dầu khí biển.

Tiếp tục thực hiện định hướng phát triển mở rộng thị trường sang các nước trong khu vực thời gian qua, TCO đã thành công trong việc triển khai hàng loạt dự án tàu dịch vụ dầu khí, các dự án kéo biển, dịch vụ khảo sát ngầm và vận chuyển bằng đường biển cho các khách hàng và nhà thầu dầu khí tại Thái Lan, Myanmar, UAE... Điều này được chứng minh bằng việc doanh thu ngoại tệ cho mảng dịch vụ này tăng 9% so với cùng kỳ với tổng doanh thu về hơn 60 triệu USD. Bên cạnh đó, TCO vẫn duy trì vị thế của mình tại thị trường trong nước bằng việc cung cấp dịch vụ cho các khách hàng truyền thống.

Từ những nỗ lực, định hướng đúng đắn của ban lãnh đạo và người lao động đã đem lại những kết quả nổi bật như sau, doanh thu thực hiện trong cả năm 2025 đạt 2.624 tỷ đồng, tăng 158% so với năm trước. Tổng số ngày hoạt động của các phương tiện đạt 6.100 ngày tăng 3% so với cùng kỳ.

• **Quản lý khai thác cảng & Đầu tư tài chính**

TCO tiếp tục triển khai quản lý và vận hành an toàn hệ thống cầu cảng và các thiết bị xếp dỡ tại các cảng biển thuộc hệ thống của TCT TCSG. Trong năm 2025 TCO đã hoàn thiện hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng tại cảng Cát Lái với TCT TCSG, đưa doanh thu mặng cho thuê cơ sở hạ tầng đạt 349 tỷ đồng tăng 122% so với năm 2024.

• **Kết quả thực hiện công tác đầu tư**

Năm 2025, TCO đã thực hiện công tác chuẩn bị và triển khai thủ tục đầu tư các dự án trong Kế hoạch đầu tư đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua. Kết quả thực hiện đầu tư trong năm 2025 bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Danh mục tài sản	Giá trị đầu tư	Đã thực hiện	Giá trị còn lại
1	Đầu tư sà lan Hao Yi 11 (TAN CANG 375)	99.524	99.524	0.00
2	Thiết bị ROV	111.631	111.631	0.00
3	Tàu Tan Cang 63	123.459	123.459	0.00
4	Tàu TC Apollo	191.412	191.412	0.00
5	Tàu TC Princess	252.120	252.120	0.00
6	02 Tàu container đóng mới	878.861	77.059	801.802
	Tổng cộng	1.657.008	855.206	801.802

Ngoài đầu tư tài sản cố định, trong năm 2025 TCO đã thực hiện đầu tư vốn vào các đơn vị như sau:

- Tăng tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng với vốn điều lệ 300 tỷ đồng, trong đó TCO chiếm 51% vốn điều lệ.
- Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện với tổng vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó TCO chiếm 70% vốn điều lệ.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên công ty	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Chi tiết
1	Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ (TCQV)	31%	121,25	TCQV đang triển khai quản lý vận hành cảng cạn tại Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, là vị trí logistic trọng điểm tại miền Bắc và kết nối với các cảng

STT	Tên công ty	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Chi tiết
				nước sâu tại khu vực cảng nước sâu Lạch Huyện.
2	Công ty Cổ phần Hỗ trợ hàng hải và Dịch vụ ngoài khơi Tân Cảng (TCOS)	36%	18,00	TCOS được thành lập với mục tiêu tập trung phát triển một số dịch vụ như: dịch vụ hoa tiêu đẹp luồng, dịch vụ lai dắt, lai kéo, hoa tiêu ngoại hạng, mooring master và vận chuyển người/ chuyên gia cho các giàn khoan, công trình điện gió gần bờ và điện gió ngoài khơi... và các dịch vụ đại lý khác.
3	Công ty Cổ phần Vận tải biển Tân Cảng (TCS)	43,79%	218,93	Triển khai các lĩnh vực kinh doanh trong trụ cột “Vận tải và các ngành kinh tế biển” theo chỉ đạo của TCT TCSG. Với mục tiêu trở thành đơn vị vận tải bằng tàu container và các hàng siêu trường siêu trọng.
4	Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry (TCGT)	45%	22,28	TCGT hoạt động trong lĩnh vực chế tạo cầu RTG mang thương hiệu Tân Cảng. Cung cấp dịch vụ sửa chữa kỹ thuật, vật tư, trang thiết bị cho ngành cảng và ngành hàng hải.
5	Công ty TNHH Dịch vụ ngầm Tân Cảng Mermaid	50%	17,77	TCMM là đơn vị liên doanh với Công ty Mermaid Subsea Thái Lan hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ lặn, khảo sát, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các công trình ngầm sử dụng thợ lặn, ROV, tàu DSV...
6	Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng	51%	51,00	TCOTS đang quản lý vận hành hệ thống khách sạn mang thương hiệu Navy Hotel: tại Cam Ranh, Nha Trang, Đà Lạt, Đà Nẵng.
7	CTCP Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng	51%	153,00	TCI là đơn vị được thành lập để phát triển các dự án Bất động sản khu công nghiệp tại khu vực kinh tế trọng điểm Nghi Sơn.
8	Công ty Cổ phần Hàng hải Tân cảng Miền Bắc	54%	64,02	TCM là đơn vị liên doanh với đối tác Mitsu O.L (Nhật Bản) với mục tiêu phát triển dịch vụ hàng hải gần bờ.
9	Công ty Cổ phần Tân Cảng Kiên Giang	60%	30,00	TCKG được thành lập với mục tiêu đầu tư, xây dựng – quản lý cảng dịch vụ dầu khí tại cảng Hòn Chông – Kiên Giang.
10	Công ty Cổ phần Trục vót và Nạo vét Tân Cảng	60%	35,70	TCDG hoạt động chính trong lĩnh vực nạo vét hàng hải, Trục vót và Xây dựng công trình thủy.

STT	Tên công ty	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)	Chi tiết
11	CTCP Tân Cảng Lạch Huyện	70%	160,00	TCLH – được thành lập mới mục tiêu phát triển dịch vụ cơ sở hạ tầng phục vụ ngành vận tải, dịch vụ logistics, khai thác cảng tại khu vực phía Bắc, đặc biệt là hỗ trợ các dịch vụ tại cảng nước sâu Lạch Huyện – Hải Phòng.

3.4. Tình hình nợ phải trả hợp nhất

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng trưởng	
			Giá trị	%
NỢ NGẮN HẠN	3.030,16	3.276,00	245,84	8,11%
Phải trả cho người bán	526,26	723,01	196,75	37,39%
Người mua trả tiền trước	1.485,88	715,90	-769,98	-51,82%
Thuế và các khoản phải nộp NN	98,47	260,68	162,21	164,74%
Phải trả người lao động	35,45	84,29	48,83	137,73%
Chi phí phải trả ngắn hạn	58,82	76,59	17,77	30,21%
Phải trả ngắn hạn khác	143,73	90,88	-52,85	-36,77%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	520,42	1.084,65	564,23	108,42%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	34,49	111,36	76,88	222,90%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	26,79	0,00	-26,79	N/A
NỢ DÀI HẠN	1.106,71	2.214,10	1.107,39	100,06%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	917,51	1.432,53	515,02	56,13%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	4.136,88	5.490,10	1.353,23	32,71%

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 5.490,10 tỷ đồng, tăng 1.353,23 tỷ đồng (tương đương 32,71%) so với thời điểm cuối năm 2024. Mức tăng này chủ yếu đến từ sự gia tăng của cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn, phản ánh nhu cầu vốn lớn hơn để phục vụ việc mở rộng hoạt động cũng như triển khai các kế hoạch đầu tư của Công ty trong năm.

Cơ cấu và biến động các khoản nợ

Nợ ngắn hạn tăng 8,11% so với năm 2024, từ 3.030,16 tỷ đồng lên 3.276,00 tỷ đồng. Trong đó, một số khoản mục có biến động đáng chú ý như:

- Phải trả cho người bán tăng 37,39%, đạt 723,01 tỷ đồng, phản ánh nhu cầu thanh toán cho nhà cung cấp gia tăng nhằm đáp ứng khối lượng sản xuất và đơn hàng trong kỳ.

- Người mua trả tiền trước giảm mạnh 51,82%, xuống còn 715,90 tỷ đồng, cho thấy sự thay đổi trong cơ cấu hợp đồng và tiến độ thanh toán của khách hàng trong năm.
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 164,74%, đạt 260,68 tỷ đồng, chủ yếu do nghĩa vụ thuế gia tăng tương ứng với quy mô hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.
- Phải trả người lao động tăng 137,73%, đạt 84,29 tỷ đồng, phản ánh việc gia tăng các khoản lương, thưởng và phúc lợi cho người lao động trong kỳ.
- Chi phí phải trả ngắn hạn tăng 30,21%, lên 76,59 tỷ đồng, cho thấy Công ty đã chủ động ghi nhận và phân bổ các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh.
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng mạnh 108,42%, đạt 1.084,65 tỷ đồng, cho thấy Công ty gia tăng sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động và duy trì dòng tiền cho hoạt động kinh doanh.
- Bên cạnh đó, nợ dài hạn ghi nhận mức tăng trưởng mạnh 100,06%, từ 1.106,71 tỷ đồng lên 2.214,10 tỷ đồng. Trong đó, vay và nợ thuê tài chính dài hạn đạt 1.432,53 tỷ đồng, tăng 56,13% so với năm trước.

3.5. Tình hình tài sản Công ty mẹ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng trưởng	
			Giá trị	%
TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.106,32	1.675,76	569,45	51,47%
Tiền và các khoản tương đương tiền	351,73	453,17	101,44	28,84%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	9,05	124,05	115,00	1270,72%
Các khoản phải thu ngắn hạn	653,07	903,13	250,06	38,29%
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	644,80	678,82	34,02	5,28%
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	0	-21,27	-21,27	N/A
Hàng tồn kho	81,15	170,37	89,22	109,95%
Tài sản ngắn hạn khác	11,32	25,03	13,72	121,23%
TÀI SẢN DÀI HẠN	1.377,38	2.477,01	1.099,63	79,84%
Các khoản phải thu dài hạn	9,00	9,07	0,07	0,78%
Tài sản cố định	660,53	829,77	169,24	25,62%
Tài sản dở dang dài hạn	58,78	524,81	466,03	792,78%
Tài sản dài hạn khác	59,62	64,97	5,35	8,97%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.483,69	4.152,77	1.669,08	67,20%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán của TCO

Tổng tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 đạt 4.152,77 tỷ đồng, tăng 67,20% so với cuối năm trước, tương ứng tăng 1.669,08 tỷ đồng. Mức tăng này chủ yếu đến từ sự gia tăng đột biến của tài sản dài hạn.

Tài sản ngắn hạn đạt 1.675,76 tỷ đồng, tăng 51,47% so với năm 2024. Trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền tăng 28,84%, đạt 453,17 tỷ đồng, góp phần đảm bảo khả năng thanh khoản. Bên cạnh đó, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng đáng kể lên 124,05 tỷ đồng, phản ánh việc Công ty linh hoạt trong việc sử dụng nguồn vốn. Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 38,29%, lên 903,13 tỷ đồng, chủ yếu đến từ phải thu khách hàng. Đồng thời, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi với giá trị 21,27 tỷ đồng, thể hiện sự chủ động trong công tác quản lý công nợ. Hàng tồn kho tăng lên 170,37 tỷ đồng, phục vụ nhu cầu hoạt động SXKD.

Tài sản dài hạn đạt 2.477,01 tỷ đồng, tăng 79,84% so với cuối năm trước. Trong đó, tài sản cố định tăng 25,62%, đạt 829,77 tỷ đồng, phản ánh việc tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất. Đáng chú ý, tài sản dở dang dài hạn tăng mạnh lên 524,81 tỷ đồng, cho thấy Công ty đang triển khai các dự án đầu tư theo định hướng phát triển trong trung và dài hạn.

Nhìn chung, trong năm 2025, Công ty mẹ tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tài sản, đồng thời có sự điều chỉnh trong cơ cấu tài sản theo hướng phù hợp với nhu cầu hoạt động và kế hoạch đầu tư.

3.6. Tình hình nợ phải trả Công ty mẹ

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	Tăng trưởng	
			Giá trị	%
NỢ NGẮN HẠN	978,28	1.532,68	554,41	56,67%
Phải trả cho người bán	336,83	506,72	169,89	50,44%
Người mua trả tiền trước	83,11	90,30	7,19	8,65%
Thuế và các khoản phải nộp NN	72,69	206,41	133,72	183,96%
Phải trả người lao động	14,56	53,94	39,38	270,51%
Chi phí phải trả ngắn hạn	48,64	52,18	3,55	7,30%
Phải trả ngắn hạn khác	27,06	4,21	-22,84	-84,43%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	236,56	381,38	144,82	61,22%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32,69	109,16	76,48	233,97%
Dự phòng phải trả ngắn hạn	26,79	0,00	-26,79	N/A
NỢ DÀI HẠN	386,95	790,80	403,85	104,37%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	386,95	462,89	75,94	19,62%
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	1.365,23	2.323,48	958,25	70,19%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2025 đã kiểm toán của TCO

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty mẹ đạt 2.323,48 tỷ đồng, tăng 70,19% so với cuối năm 2024, tương ứng tăng 958,25 tỷ đồng. Mức tăng này chủ yếu đến từ

sự gia tăng đồng thời của cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn, trong đó nợ dài hạn có tốc độ tăng cao hơn.

Cơ cấu và biến động các khoản nợ

Nợ ngắn hạn đạt 1.532,68 tỷ đồng, tăng 56,67% so với năm 2024. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, phải trả cho người bán tăng 50,44%, đạt 506,72 tỷ đồng, phù hợp với quy mô hoạt động trong kỳ. Bên cạnh đó, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng lên 206,41 tỷ đồng (tăng 183,96% so với năm 2024), và phải trả người lao động tăng lên 53,94 tỷ đồng (tăng 270,51% so với năm 2024), phản ánh các nghĩa vụ phát sinh tương ứng với hoạt động kinh doanh. Khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng tăng 61,22%, đạt 381,38 tỷ đồng, góp phần bổ sung nguồn vốn lưu động.

Ngoài ra, một số khoản mục có biến động như: quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng lên 109,16 tỷ đồng (tăng 233,97% so với năm 2024), phải trả ngắn hạn khác giảm mạnh còn 4,21 tỷ đồng. Dự phòng phải trả ngắn hạn không còn ghi nhận tại thời điểm cuối năm 2025.

Nợ dài hạn đạt 790,80 tỷ đồng, tăng 104,37% so với năm trước và là khoản mục có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong cơ cấu nợ. Trong đó, vay và nợ thuê tài chính dài hạn đạt 462,89 tỷ đồng, tăng 19,62%, phản ánh việc Công ty tiếp tục sử dụng nguồn vốn dài hạn phục vụ định hướng đầu tư.

Nhìn chung, cơ cấu nợ của Công ty mẹ trong năm 2025 có sự gia tăng về quy mô, đồng thời có sự điều chỉnh giữa các nhóm khoản mục, phù hợp với nhu cầu vốn và kế hoạch hoạt động trong kỳ.

3.7. Tình hình nợ phải trả quá hạn và các yếu tố ảnh hưởng

Đến thời điểm cuối năm 2025, Công ty chưa phát sinh các khoản nợ quá hạn trọng yếu. Dù vậy, trong bối cảnh thị trường tài chính toàn cầu còn nhiều biến động khó lường, rủi ro liên quan đến tỷ giá và lãi suất vẫn cần được giám sát chặt chẽ. Diễn biến tỷ giá theo xu hướng biến động đã và đang gây áp lực nhất định lên dư nợ vay bằng ngoại tệ, qua đó tác động đến chi phí tài chính cũng như biên lợi nhuận của Công ty. Đồng thời, xu hướng gia tăng của mặt bằng lãi suất trong nước, đặc biệt ở các khoản vay trung và dài hạn, có thể làm tăng chi phí vốn trong các kỳ tới.

Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp kiểm soát rủi ro, bao gồm việc cơ cấu lại danh mục nợ theo hướng hợp lý, đồng thời điều hành chính sách tài chính một cách linh hoạt. Nhờ vậy, hiệu quả sử dụng vốn tiếp tục được duy trì và khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo trong các kịch bản biến động khác nhau.

Đánh giá chung

Tổng nợ phải trả của Công ty trong năm 2025 tiếp tục tăng phù hợp với tốc độ mở rộng quy mô hoạt động và nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư. Mặc dù quy mô nợ vay gia tăng, cơ cấu nợ vẫn được duy trì trong phạm vi kiểm soát và phù hợp với năng lực tài chính của doanh nghiệp. Ban lãnh đạo Công ty cam kết tiếp tục quản trị rủi ro tài chính hiệu quả, tối ưu hoá chi phí sử dụng vốn và đảm bảo tính minh bạch trong công bố thông tin tới cổ đông và các bên liên quan.

4. Các công tác khác

4.1. Nhân sự:

Nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng minh bạch, chuyên nghiệp, hướng đến thu hút nhân sự có năng lực, phù hợp với văn hóa doanh nghiệp. Bao gồm việc tuyển dụng thuyền viên từ xa từ Thái Lan để tham gia hoạt động của các tàu tại khu vực Thái Lan và Myanmar. Chế độ đãi ngộ được xây dựng trên nguyên tắc cạnh tranh, khuyến khích hiệu suất làm việc và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

4.2. Đào tạo và phát triển

Công ty chú trọng đào tạo nhân sự thông qua các chương trình nâng cao kỹ năng chuyên môn và quản lý, đảm bảo nguồn lực chất lượng cao cho sự phát triển lâu dài. Trong năm 2025, TCO đã thực hiện các chương trình đào tạo nổi bật như:

- Chương trình đào tạo:
 - Áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nâng cao hiệu suất công việc. Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, AI đang trở thành công cụ đắc lực giúp các tổ chức và cá nhân tối ưu quy trình làm việc, tiết kiệm thời gian và nâng cao năng suất. Chương trình “Tập huấn áp dụng Trí tuệ Nhân tạo nâng cao hiệu suất công việc” được thiết kế nhằm trang bị cho người lao động kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành về các ứng dụng AI hiện đại trong công việc từ đó nâng cao hiệu suất công việc.
 - Tọa đàm về “Kinh tế biển trước thách thức kinh tế, chính trị toàn cầu”: Nhận định những biến động lớn chính sách thương mại của Hoa Kỳ, TCO đã tổ chức tọa đàm giúp ban lãnh đạo công ty có cái nhìn tổng quan về tình hình kinh tế thế giới, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế biển và logistics, từ đó đưa ra những chiến lược thích ứng trong giai đoạn tới.
- Các khóa đào tạo chuyên biệt khác:
 - Đánh giá viên nội bộ: Đào tạo cán bộ có khả năng thực hiện đánh giá nội bộ hiệu quả.
 - Cán bộ an ninh: Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng đảm bảo an ninh trong doanh nghiệp.
 - Cập nhật nghiệp vụ cán bộ an ninh: Nâng cao năng lực cho đội ngũ an ninh với kiến thức mới và thực tiễn áp dụng.
 - Các chương trình đào tạo cho đội ngũ thuyền viên: Tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo, Triển khai huấn luyện chuyên ngành Dynamic Positioning (03 khóa học) tại Singapore và Vũng Tàu, chứng chỉ Mororing Master & Anchorhandling.
 - Triển khai các khoá huấn luyện - sát hạch nâng cao năng lực ngoại ngữ theo chuẩn TOEIC, Marlins.
 - Duy trì các khóa học chuyên ngành về an toàn làm việc dầu khí (H2S - TBOSIET-RIGGING/SLIGGING)

4.3. Môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp

Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, tạo điều kiện tối đa để nhân viên phát huy năng lực, sáng tạo và gắn bó lâu dài. Văn hóa doanh nghiệp được định hướng dựa trên các giá trị cốt lõi, thúc đẩy tinh thần hợp tác, trách nhiệm và đổi mới.

4.4. Quản trị rủi ro

Tiếp tục thực hiện việc áp dụng các hệ thống quản trị rủi ro trên các lĩnh vực vận hành, bao gồm sức khỏe, an toàn, môi trường và chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2005. Công ty cũng duy trì hệ thống quản lý tàu (Ship Management System), hệ thống IMCA và OVID cho các tàu dịch vụ, nhằm mục tiêu đạt tiêu chuẩn an toàn cao nhất trong ngành dầu khí cả trong và ngoài nước.

Ngoài ra TCO đã được xác nhận đạt tiêu chuẩn của Chương trình OVMSA (Offshore Vessel Management and Self Assessment), là một chương trình/ hệ thống đánh giá chất lượng do tổ chức OCIMF (Diễn đàn hàng hải các Công ty Dầu khí Quốc tế) sáng lập và quản lý. Chương trình OVMSA được xem như một công cụ quan trọng giúp các công ty quản lý tàu dịch vụ dầu khí trên thế giới đánh giá, đo lường và cải tiến hệ thống quản lý, bao gồm mọi khía cạnh kỹ thuật, hoạt động của tàu, nhân sự và công tác an toàn, an ninh, sức khỏe, bảo vệ môi trường, cả trên bờ và trên biển.

4.5. Về số hoá quy trình quản lý

Trong năm 2025, TCO đã tiếp tục ứng dụng số hoá và áp dụng phần mềm, văn phòng điện tử trong công tác quản lý giúp Công ty có thể nâng cao năng suất lao động, giảm thiểu chi phí và gia tăng sự linh hoạt trong hoạt động SXKD. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh việc ứng dụng phần mềm trong mọi hoạt động SXKD của Công ty và áp dụng cho các công ty trong cùng hệ thống.

PHẦN 2

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2026, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CÔNG TY TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026

Trên cơ sở các thông tin về tình hình thị trường, những kết quả đạt được trong năm 2025 và các nhận định, đánh giá cơ hội, khó khăn trong bối cảnh giá dầu tiếp tục diễn biến khó lường, sự suy thoái toàn cầu ngày càng hiện hữu do bất ổn địa chính trị và việc cạnh tranh ngày càng khốc liệt giữa các công ty tàu dịch vụ dầu khí, TCO đề ra Phương hướng hành động năm 2026 là “**ĐA DẠNG HOÁ THỊ TRƯỜNG; PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ BỀN VỮNG; TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC; NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ**” với các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 như sau:

1.1. Kế hoạch kinh doanh Công ty TCO:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025 (TH25)	Kế hoạch 2026 (KH256)	Tỷ lệ (KH26/TH25)
1	Tổng doanh thu	3.269,833	4.924,545	150,61%
2	Lợi nhuận trước thuế	1.078,487	910,125	84,39%
3	Lợi nhuận sau thuế	901,753	736,750	81,70%
4	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	2,00	1,64	-

1.2. Kế hoạch đầu tư và triển khai dự án:

Kế hoạch đầu tư tài sản:

- Tiếp tục triển khai hoàn thiện đóng mới 02 tàu container tại Trung Quốc theo kế hoạch đã được phê duyệt triển khai trong năm 2025.
- Đầu tư 01 robot ngầm (ROV) phục vụ hoạt động công tác ngầm trong lĩnh vực dầu khí.
- Đầu tư 02 cầu RTG phục vụ hoạt động xếp dỡ cảng biển.
- Tiếp tục bổ sung năng lực đội tàu bằng việc tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu và đầu tư tàu dịch vụ dầu khí phục vụ cho hoạt động kinh doanh tàu dịch vụ dầu khí.

Kế hoạch đầu tư vốn:

- Hoàn thiện góp vốn tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Lạch Huyện nâng vốn điều lệ công ty từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng triển khai dự án đầu tư xây dựng vận hành “Trung tâm Logistic Lạch Huyện” tại cảng nước sâu Lạch Huyện.
- Mua bán chuyển nhượng tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry lên 95%, nghiên cứu sản xuất cầu STS cung cấp cầu phục vụ cho hệ thống cảng của TCT TCSG.
- Tiếp tục theo sát để hoàn thiện pháp lý, triển khai phát triển dự án Khu công nghiệp Tân Cảng do Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Công nghiệp Tân Cảng tại Thanh toán theo định hướng đầu tư khu công nghiệp của TCT TCSG.

1.3. Các giải pháp triển khai kế hoạch năm 2026

a. Định hướng phát triển thị trường và quản lý sản xuất kinh doanh:

“Linh hoạt, đa dạng để thích nghi với biến động” – Trong bối cảnh thị trường dầu dư cung khiến giá dầu suy giảm, TCO dự đoán các hoạt động từ thượng nguồn như dự án tìm kiếm thăm dò và khai thác các mỏ dầu khí trên toàn trong năm sau sẽ trở nên hạn chế và tiềm ẩn nhiều rủi ro cắt giảm sản lượng. Việc này ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực kinh doanh chính của TCO là cung cấp dịch vụ offshore của TCO. Vì vậy, sự “linh hoạt và đa dạng” là yếu tố cốt lõi và là kim chỉ nam cho hoạt động Offshore 2026.

Linh hoạt trong công tác thị trường: Ngoài các thị trường trọng điểm và TCO có sự hiện diện mạnh mẽ như Việt Nam, Thái Lan, Myanmar việc tìm kiếm mở rộng các sang các thị trường lân cận như UAE, Brunei, Malaysia, đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định và cân bằng trong hoạt động SXKD 2026.

Đa dạng trong dịch vụ cung cấp: Từng bước nâng tầm và phát triển đưa TCO thành “Liên doanh thầu” cùng với các đơn vị khác cung cấp trọn gói dịch vụ hàng hải ngoài khơi.

b. Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

Công ty xác định nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi trong chiến lược phát triển dài hạn, do đó đã triển khai các giải pháp trọng tâm như:

- Xây dựng chiến lược kinh doanh gắn liền với phát triển nhân sự, đảm bảo nguồn lực chất lượng cao phục vụ mục tiêu tăng trưởng.
- Đẩy mạnh đào tạo nội bộ thông qua kết hợp giữa phương pháp truyền thống và e-learning, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho từng bộ phận.
- Quy hoạch, đào tạo và phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận, đảm bảo tính liên tục và bền vững trong công tác quản lý.
- Tăng cường đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ thuyền viên về an ninh, an toàn hàng hải, nghiệp vụ vận hành trong ngành tàu dịch vụ dầu khí và nâng cao trình độ ngoại ngữ. Đồng thời, tiếp tục tuyển dụng và đào tạo nguồn thuyền viên dự trữ nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực dài hạn.

c. Quản lý tài chính & đầu tư:

Để tối ưu hóa nguồn lực tài chính, công ty đã triển khai các giải pháp quản lý và đầu tư hiệu quả, bao gồm:

- Kết hợp phương thức quản lý tài chính tập trung và phi tập trung, đảm bảo sự chủ động trong ra quyết định đồng thời tối ưu hóa chi phí toàn hệ thống.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh thông qua việc lập kế hoạch ngân sách chi tiêu chi tiết cho từng phòng ban, phương tiện và địa bàn hoạt động.
- Kiểm soát và tiết giảm chi phí hoạt động nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và đảm bảo sự phát triển bền vững.

d. Số hoá và chuyển đổi số quy trình quản lý:

Nhằm nâng cao hiệu suất vận hành và tối ưu hóa quy trình quản lý, công ty tiếp tục đẩy mạnh số hóa và ứng dụng công nghệ vào các hoạt động quản trị:

- rà soát, cải tiến quy trình quản lý nội bộ, tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận, nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động trên nền tảng số.

- Tiếp tục triển khai các phần mềm quản trị doanh nghiệp, số hóa hồ sơ và tối ưu hóa quy trình phê duyệt, giúp giảm thiểu thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí.
- Đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu, phát huy văn hóa doanh nghiệp trong mọi hoạt động, tạo sự thống nhất và chuyên nghiệp trong toàn hệ thống.

2. Tầm nhìn chiến lược đến năm 2032:

- Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững và mở rộng quy mô hoạt động thông qua các chiến lược dài hạn:
 - Đào tạo và phát triển nhân lực, xây dựng chính sách thu hút và giữ chân nhân tài, đảm bảo sự phát triển toàn diện và bền vững.
 - Mở rộng thị trường ra quốc tế, thành lập liên doanh tại các thị trường trọng điểm như Thái Lan, Malaysia nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng phạm vi hoạt động.
 - Xây dựng chu kỳ đầu tư mới, tìm kiếm các vị trí chiến lược để phát triển hạ tầng logistics, đồng bộ hóa với các lĩnh vực kinh doanh hiện có của công ty, từ đó nâng cao giá trị chuỗi cung ứng.
 - Với chiến lược rõ ràng và định hướng phát triển bền vững, công ty cam kết tiếp tục đổi mới, mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng tới mục tiêu phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tới.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, phương hướng hoạt động năm 2026 và chiến lược phát triển thời gian tới của TCO.

Kính trình ĐHQĐ xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD, BKS;
- Lưu Thư ký HĐQT./.



**TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BIỂN
TÂN CẢNG
P. BÌNH TRUNG - TP. HCM**
NGUYỄN PHÙNG HƯNG



**REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT
ON BUSINESS PRODUCTION RESULTS IN 2025 AND
BUSINESS PRODUCTION PLAN FOR 2026
SUBMITTED TO THE 2026 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS**

**PART I
SUMMARY OF BUSINESS PERFORMANCE IN 2025**

1. Market Context and Operating Environment in 2025

2025 continued to be characterized by a complex global geopolitical environment. Strategic competition between the United States and China remained intense; the conflict in Ukraine remained unresolved; and ongoing instability in parts of the Middle East continued to exert pressure on global energy markets and supply chains. Ongoing trends in supply chain restructuring, rising trade protectionism, and the promotion of domestic production continued to shape the global business landscape.

Notwithstanding these challenges, in 2025 showed clearer signs of recovery. Inflation in major economies was largely contained, enabling central banks to gradually adopt more accommodative monetary policies. Liquidity conditions improved, and investment and consumer demand gradually recovered. According to projections from the International Monetary Fund (IMF) and the World Bank, global economic growth in 2025 was estimated at approximately 2.9%–3.3%, slightly higher than the previous year but still below the long-term average.

In the energy sector, according to projections from the International Energy Agency, global oil demand in 2025 was estimated at approximately 103.5–104 million barrels per day, representing a modest increase compared to in 2024. Oil prices remained relatively stable, providing a supportive basis for energy companies to continue implementing investment plans in exploration and production, particularly in deepwater and marginal fields. This contributed to sustaining the recovery momentum of the oil and gas technical services value chain.

Increased production activity and the need to optimize output at existing fields drove demand for seismic survey, drilling, well operation and maintenance services, as well as offshore support vessel services. As a result, service providers benefited from higher vessel utilization rates and improved day rates.

Alongside these recovery opportunities, challenges remained throughout in 2025. Fuel prices and technical input costs continued to be subject to geopolitical volatility, while labor costs for skilled personnel increased. At the same time, increasingly stringent safety, environmental, and energy transition requirements required companies to make substantial

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG

investments in technology upgrades, emissions reduction, and ESG compliance. In addition, technical barriers and preferential policies favoring local enterprises in certain markets continued to constrain international expansion.

2. Operations and Development Strategy of TCO

Tan Cang Offshore Services Joint Stock Company (“TCO” or the “Company”) is a subsidiary of Saigon Newport Corporation (“SNP”). In 2025, TCO continued to receive strong support and strategic direction from SNP in its business operations and in the fulfillment of its economic and national defense mandates.

As one of the leading offshore support vessel service providers for the oil and gas industry in Vietnam, TCO continued to enhance service quality, thereby reinforcing the trust of both domestic and international clients and partners. The Company also continued to invest in and modernize its fleet to strengthen its competitive position, maintaining a diversified and modern fleet that complies with the technical and safety requirements of both domestic and international contractors.

In addition to further consolidating its domestic market position, TCO accelerated its regional expansion strategy, focusing on Southeast Asia, particularly Thailand, Myanmar and Malaysia. In 2025, the Company achieved a key milestone with successful entry into the UAE market. Overseas representative offices continued to play a key role in market development and in establishing long-term partnerships with strategic clients.

Despite a challenging operating environment, 2025 marked a year of solid growth for TCO. The Company’s strategic initiatives not only reinforced its market position but also laid a solid foundation for the next phase of development.

3. Business Performance Results for 2025

TCO proactively implemented various operational measures and optimized available resources, successfully achieving all targets approved for 2025. As of December 31, 2025, consolidated revenue reached VND 5,587.53 billion, equivalent to 101.15% of the approved plan and representing an increase of 42.37% compared to 2024. Consolidated profit after tax reached VND 1,123.70 billion, equivalent to 164.28% of the approved plan and representing an increase of 129.18% compared to 2024.

In addition to the consolidated results, the Company’s separate financial statements also recorded strong growth compared to both the approved plan and 2024. Specifically, total revenue reached VND 3,269.83 billion, equivalent to 134.73% of the approved plan and representing an increase of 54.42% compared to 2024. Profit before tax reached VND 1,078.49 billion, equivalent to 214.33% of the approved plan and representing an increase of 136.36% compared to 2024. Profit after tax reached VND 901.75 billion, equivalent to 207.18% of the approved plan and representing an increase of 132.64% compared to 2024.

Details of the consolidated results and the separate financial statements of the Company are presented below.

3.1. Consolidated Business Results

Unit: Million VND

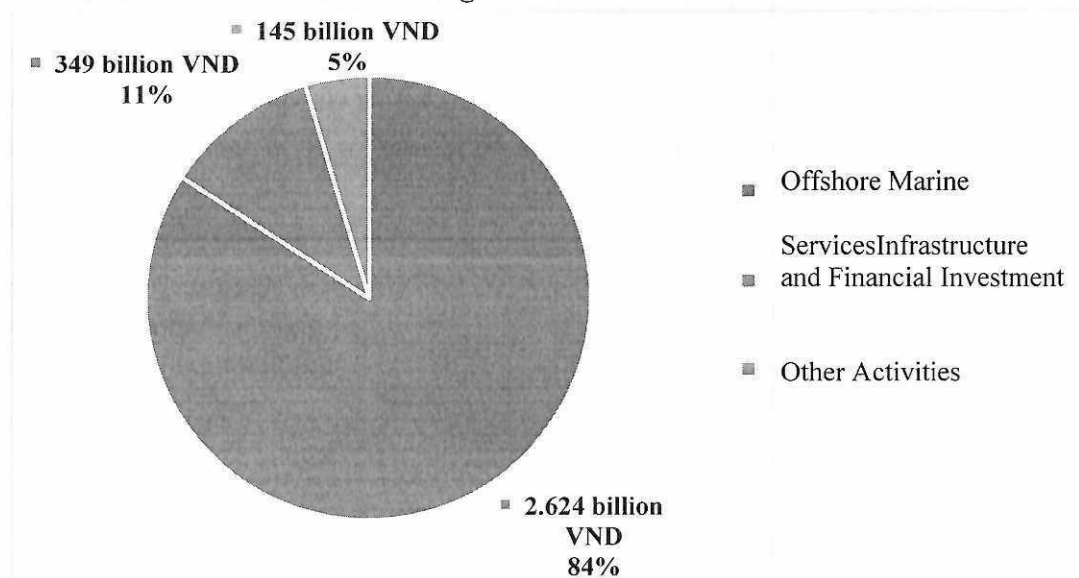
No.	Indicator	Actual 2024	Plan 2025 (P5)	Actual 2025 (A5)	Ratio (A5/P5) (%)
1	Total consolidated revenue	3,924.63	5,524.00	5,587.53	101.15%
2	Net profit after corporate income tax	490.31	684.00	1,123.70	164.28%

3.2. Business Results of the Parent Company

Unit: Million VND

No.	Indicator	Actual 2024	Plan 2025 (P5)	Actual 2025 (A5)	Ratio (A5/P5) (%)
1	Total revenue	2,117.51	2,426.92	3,269.83	134.73%
2	Profit before corporate income tax	456.29	503.20	1,078.49	214.33%
3	Net profit after corporate income tax	387.62	435.26	901.75	207.18%
4	Earnings per share (EPS) (VND/share)	1.25		2.00	

3.3. Assessment of Core Service Segments



TCO's core business segments comprise the following:

- Offshore support vessels and seismic survey support vessels;
- Marine towage and salvage services;
- Barge and tugboat transportation services;
- Subsea and underwater survey and construction support services.

In 2025, the offshore marine services sector continued to face significant challenges, including intense competition, softer demand, and reduced domestic workload. Nevertheless,

by leveraging its operational strengths, TCO maintained its position as a leading service provider to the oil and gas industry in Vietnam and the broader region. The Company further enhanced its service portfolio through joint venture arrangements with partners to execute engineering, procurement and construction contracts for offshore oil and gas projects.

In line with its regional expansion strategy, the Company successfully implemented a number of offshore service vessel projects, offshore towing projects, subsea survey services, and marine transportation services for oil and gas clients and contractors in Thailand, Myanmar, the UAE and other markets. This is reflected in a year-on-year increase of 9% in revenue denominated in foreign currencies, reaching over USD 60 million. In addition, the Company continues to maintain its position in the domestic market by providing services to its core clients.

Supported by the efforts of management and employees, the offshore vessel and marine services segment delivered strong results in 2025. Total revenue for 2025 reached VND 2,624 billion, representing an increase of 158% compared to 2024. Total vessel operating days reached 6,100 days, an increase of 3% compared to 2024.

- **Port Operations Management & Financial Investment**

TCO continued to oversee the safe and efficient management and operation of port infrastructure and cargo handling equipment within the SNP network. In 2025, the Company finalized an infrastructure lease agreement at Cat Lai Port with SNP, resulting in infrastructure leasing revenue of VND 349 billion, representing an increase of 122% compared to 2024.

- **Investment Implementation Results**

In 2025, TCO completed the preparation and implementation of investment procedures for all projects under the Investment Plan approved by the Board of Directors and the General Meeting of Shareholders (“GMS”). Investment results for 2025 are summarized below:

Unit: Million VND

No.	Asset Category	Approved Investment Value	Actual Expenditure	Remaining Balance
1	Tan Cang 375 Barge	99,524	99,524	0.00
2	ROV (Remotely Operated Vehicle)	111,631	111,631	0.00
3	Tan Cang 63 ship	123,459	123,459	0.00
4	TC Apollo vessel	191,412	191,412	0.00
5	TC Princess vessel	252,120	252,120	0.00
6	02 new container ships (under construction)	878,861	77,059	801.802
	Total	1,657,008	855,206	801.802

In addition to investments in fixed assets, in 2025, TCO also made equity investments in

subsidiaries and associated companies as follows:

- The Company increased its ownership interest in Tan Cang Industrial Infrastructure Investment Joint Stock Company (TCI), which has a charter capital of VND 300 billion, to 51%.
- The Company contributed capital to establish Tan Cang Lach Huyen Joint Stock Company (TCLH), with a charter capital of VND 300 billion, in which the Company holds a 70% ownership interest.

Unit: Million VND

No.	Company Name	TCO's Equity Interest (%)	Invested Amount (VND bill ion)	Detail
1	Tan Cang Que Vo Joint Stock Company (TCQV)	31%	121.25	TCQV is being developed as an inland container depot and logistics hub in Que Vo, Bac Ninh Province, serving as a key inland logistics hub in Northern Vietnam, with direct connectivity to the Lach Huyen deep-water port complex.
2	Tan Cang Offshore Services and Maritime Support Joint Stock Company (TCOS)	36%	18.00	TCOS was established with the objective of developing a comprehensive suite of offshore support services, including vessel cleaning and fluid management services, marine towage services, ship agency services for foreign vessels, mooring master services, crew transfer services (personnel and specialists) for drilling rigs, offshore wind turbine installation and maintenance services (both nearshore and offshore), and other integrated marine support services.
3	Tan Cang Shipping Joint Stock Company (TCS)	43.79%	218.93	The Company is implementing business lines within the "Transportation and Maritime Economic Sectors" pillar, in line with the strategic direction of SNP. The Company aims to become a leading provider of container shipping services and transportation of oversized and heavy cargo.
4	Tan Cang Gantry Crane Joint Stock Company (TCGT)	45%	22.28	TCGT operates in the manufacturing of rubber-tyred gantry (RTG) cranes under the Tan Cang brand. The company also provides technical repair services, as

No.	Company Name	TCO's Equity Interest (%)	Invested Amount (VND billion)	Detail
				well as the supply of materials and equipment for the port and marine industries.
5	Mermaid Subsea Services (Thailand) Co., Ltd. (Mermaid Subsea)	50%	17.77	Mermaid Subsea operates in the provision of subsea services, including diving, subsea survey, inspection, repair and maintenance of underwater structures, utilizing divers, remotely operated vehicles, diving support vessels, and other specialized equipment.
6	Tan Cang Bay and Sea Tourism Joint Stock Company (TCOTS)	51%	51.00	TCOTS operates tourism transportation and hospitality services under the Navy Hotel brand at key resort destinations, including Cam Ranh, Nha Trang and Da Nang.
7	Tan Cang Industrial Infrastructure Investment Joint Stock Company	51%	153.00	TCI was established to develop industrial real estate development projects in the Nghi Son Economic Zone.
8	Tan Cang Northern Port Joint Stock Company (TCM)	54%	64.02	TCM is a joint venture with Mitsui O.S.K. Lines, Ltd. (Japan), with the objective of developing nearshore marine services.
9	Tan Cang Kien Giang Joint Stock Company (TCKG)	60%	30.00	TCKG was established with the objective of investing in, constructing and operating port infrastructure for oil and gas services at Con Dao Island, Kien Giang Province.
10	Tan Cang Salvage and Dredging Joint Stock Company	60%	35.70	TCDG operates primarily in marine dredging, salvage, and hydraulic engineering construction services.
11	Tan Cang Lach Huyen Joint Stock Company	70%	160.00	TCLH was newly established with the objective of developing infrastructure services supporting the transportation, logistics, and port operations sectors in Northern Vietnam, with a focus on supporting services at the Lach Huyen deep-water port in Hai Phong

3.4. Consolidated Liabilities

Unit: Billion VND

Item			Change
------	--	--	--------

	December 31, 2024	December 31, 2025	Invested Amount	%
SHORT-TERM LIABILITIES	3,030.16	3,276.00	245.84	8.11%
Trade payables	526.26	723.01	196.75	37.39%
Advances from customers	1,485.88	715.90	-769.98	-51.82%
Taxes and other payables to the State	98.47	260.68	162.21	164.74%
Payables to employees	35.45	84.29	48.83	137.73%
Accrued short-term expenses	58.82	76.59	17.77	30.21%
Other short-term payables	143.73	90.88	-52.85	-36.77%
Short-term loans and financial lease liabilities	520.42	1,084.65	564.23	108.42%
Bonus and welfare fund	34.49	111.36	76.88	222.90%
Provision for short-term payables	26.79	0.00	-26.79	N/A
LONG-TERM LIABILITIES	1,106.71	2,214.10	1,107.39	100.06%
Long-term loans and financial lease liabilities	917.51	1,432.53	515.02	56.13%
TOTAL LIABILITIES	4,136.88	5,490.10	1,353.23	32.71%

As of December 31, 2025, the Company's total liabilities amounted to VND 5,490.10 billion, representing an increase of VND 1,353.23 billion, or 32.71%, compared to December 31, 2024. This increase was primarily attributable to the rise in both short-term and long-term liabilities, reflecting increased capital requirements to support the Company's expansion and investment activities during the year.

Structure and Movements of Liabilities

Short-term liabilities increased by 8.11% compared to December 31, 2024, from VND 3,030.16 billion to VND 3,276.00 billion. Notable movements included:

- Accounts payable to suppliers increased by 37.39% to VND 723.01 billion, reflecting higher payables to suppliers in line with increased production volumes and order fulfillment during the period.
- Advances from customers decreased by 51.82% to VND 715.90 billion, reflecting changes in contract structures and customer payment schedules during the year.
- Taxes and other payables to the State increased by 164.74% to VND 260.68 billion, primarily due to higher tax obligations corresponding to the Company's expanded scale of operations and improved business performance.
- Payables to employees increased by 137.73% to VND 84.29 billion, reflecting higher salary, bonus and benefit expenses during the period.
- Other short-term payables increased by 30.21% to VND 76.59 billion, reflecting the Company's recognition and accrual of expenses related to its production and business activities.

- Short-term borrowings and finance lease liabilities increased significantly by 108.42% to VND 1,084.65 billion, reflecting increased utilization of short-term borrowings to support working capital and maintain operating cash flows.

- In addition, long-term liabilities increased significantly by 100.06%, from VND 1,106.71 billion to VND 2,214.10 billion as of December 31, 2025. Of which, long-term borrowings and finance lease liabilities reached VND 1,432.53 billion, representing an increase of 56.13% compared to 2024.

3.5. Parent Company Assets

Unit: Billion VND

Item	December 31, 2024	December 31, 2025	Change	
			Invested Amount	%
CURRENT ASSETS	1,106.32	1,675.76	569.45	51.47%
Cash and cash equivalents	351.73	453.17	101.44	28.84%
Short-term financial investments	9.05	124.05	115.00	1270.72%
Short-term receivables (total)	653.07	903.13	250.06	38.29%
- Trade receivables	644.80	678.82	34.02	5.28%
- Provision for doubtful short-term receivables	0	-21.27	-21.27	N/A
Inventories	81.15	170.37	89.22	109.95%
Other current assets	11.32	25.03	13.72	121.23%
NON-CURRENT ASSETS	1,377.38	2,477.01	1,099.63	79.84%
Long-term receivables	9.00	9.07	0.07	0.78%
Fixed assets	660.53	829.77	169.24	25.62%
Long-term work-in-progress (construction in progress)	58.78	524.81	466.03	792.78%
Other non-current assets	59.62	64.97	5.35	8.97%
TOTAL ASSETS	2,483.69	4,152.77	1,669.08	67.20%

TCO 's audited separate financial statements for 2025

As of December 31, 2025, the parent company's total assets amounted to VND 4,152.77 billion, representing an increase of VND 1,669.08 billion, or 67.20%, compared to December 31, 2024. This increase was primarily attributable to a significant increase in non-current assets.

Current assets amounted to VND 1,675.76 billion, representing an increase of 51.47% compared to 2024. Of this, cash and cash equivalents increased by 28.84% to VND 453.17 billion, supporting the Company's liquidity position. In addition, short-term financial investments increased significantly to VND 124.05 billion, reflecting the Company's flexible

capital allocation. Short-term receivables increased by 38.29% to VND 903.13 billion, primarily attributable to trade receivables. The Company also recognized provisions for doubtful short-term receivables of VND 21.27 billion, reflecting prudent credit risk management. Inventories increased to VND 170.37 billion to support production and business operations.

Non-current assets amounted to VND 2,477.01 billion, representing an increase of 79.84% compared to December 31, 2024. Of this, fixed assets increased by 25.62% to VND 829.77 billion, reflecting ongoing capital expenditure and asset upgrades. Notably, construction in progress (CIP) increased significantly to VND 524.81 billion, indicating that the Company is implementing investment projects in line with its medium- and long-term development strategy.

Overall, in 2025, the parent company continued to maintain strong asset growth momentum while optimizing its asset structure in line with operational requirements and investment plans.

3.6. Parent Company Liabilities

Unit: Billion VND

Item	December 31, 2024	December 31, 2025	Change	
			Invested Amount	%
SHORT-TERM LIABILITIES	978.28	1,532.68	554.41	56.67%
Trade payables	336.83	506.72	169.89	50.44%
Advances from customers	83.11	90.30	7.19	8.65%
Taxes and other payables to the State	72.69	206.41	133.72	183.96%
Payables to employees	14.56	53.94	39.38	270.51%
Accrued short-term expenses	48.64	52.18	3.55	7.30%
Other short-term payables	27.06	4.21	-22.84	-84.43%
Short-term loans and financial lease liabilities	236.56	381.38	144.82	61.22%
Bonus and welfare fund	32.69	109.16	76.48	233.97%
Provision for short-term payables	26.79	0.00	-26.79	N/A
LONG-TERM LIABILITIES	386.95	790.80	403.85	104.37%
Long-term loans and financial lease liabilities	386.95	462.89	75.94	19.62%
TOTAL LIABILITIES	1,365.23	2,323.48	958.25	70.19%

TCO 's audited separate financial statements for 2025

As of December 31, 2025, the parent company's total liabilities amounted to VND 2,323.48 billion, representing an increase of VND 958.25 billion, or 70.19%, compared to December 31, 2024. This increase was primarily attributable to the rise in both short-term and long-term liabilities, with long-term liabilities growing at a higher rate.

Debt Structure and Changes

Short-term liabilities reached VND 1,532.68 billion, an increase of 56.67% compared to 2024. Within the short-term debt structure, accounts payable to suppliers increased by 50.44%, reaching VND 506.72 billion, consistent with the scale of operations during the period. In addition, taxes and other payments to the State increased to VND 206.41 billion (an increase of 183.96% compared to 2024), and accounts payable to employees increased to VND 53.94 billion (an increase of 270.51% compared to 2024), reflecting obligations arising from business operations. Short-term loans and financial lease liabilities also increased by 61.22%, reaching VND 381.38 billion, contributing to the replenishment of working capital.

In addition, some items showed fluctuations such as : the bonus and welfare fund increased to VND 109.16 billion (a 233.97% increase compared to 2024), while other short-term payables decreased sharply to VND 4.21 billion. The provision for short-term payables was no longer recorded at the end of 2025.

Long-term debt reached VND 790.80 billion, an increase of 104.37% compared to the previous year and the highest growth rate in the debt structure. Of this, long-term loans and financial lease liabilities amounted to VND 462.89 billion, an increase of 19.62%, reflecting the company's continued use of long-term capital to support its investment strategy.

Overall, the parent company's debt structure in 2025 shows an increase in scale, along with adjustments across different categories, in line with capital needs and operational plans for the period.

3.7. Overdue Liabilities and Risk Factors

As of December 31, 2025, the Company had no material overdue liabilities. However, in the context of a volatile and uncertain global financial environment, foreign exchange and interest rate risks continue to require close monitoring.

Exchange rate volatility continued to exert pressure on foreign currency-denominated liabilities, thereby impacting the Company's finance costs and profit margins. At the same time, the rising trend in domestic interest rates, particularly for medium- and long-term borrowings, may lead to a higher cost of capital in the coming periods.

The Company has proactively implemented risk control measures, including optimizing its debt portfolio structure and adopting flexible financial management policies. As a result, capital utilization efficiency has been maintained, and the Company's solvency has remained stable under various market scenarios.

Overall assessment

The Company's total liabilities are expected to continue to increase in line with the expansion of its operations and the capital requirements for investment projects. Despite this increase, the liability structure is expected to remain well controlled and consistent with the Company's financial capacity. The Company's management remains committed to effective financial risk management, optimizing its cost of capital, and ensuring transparency in information disclosure to shareholders and stakeholders.

4. Other Operational Matters

4.1. Human Resources:

To develop a high-quality workforce that meets the requirements of sustainable development, the Company implements a transparent and professional recruitment policy to attract qualified personnel aligned with the Company's corporate culture. This includes the recruitment of crew members from Thailand to support vessel operations in the Thailand and Myanmar markets.

The Company's compensation framework is market-competitive, designed to incentivize performance while ensuring employee benefits and welfare.

4.2. Training and Development

The Company places strong emphasis on employee training through professional and managerial capacity-building programs to ensure a high-quality workforce for long-term development. In 2025, key training programs included:

- Training program:
 - Application of Artificial Intelligence (AI) to enhance work efficiency: In the context of rapid digital transformation, AI is increasingly becoming an effective tool for optimizing workflows, saving time, and improving productivity. This training program was designed to equip employees with fundamental knowledge and practical skills in applying modern AI solutions in the workplace, thereby enhancing overall work performance.
 - Seminar on "Maritime Economy Amid Global Economic and Political Challenges": In response to significant changes in U.S. trade policy, the Company organized this seminar to provide management with an overview of the global economic landscape, particularly in the maritime and logistics sectors, thereby supporting the development of adaptive strategies for the upcoming period.
- Other specialized training programs:
 - Internal audit training: Developing personnel capable of conducting effective internal audit activities.
 - Security officer training: Enhancing knowledge and skills to ensure enterprise security.
 - Refresher training for security officers: Updating capabilities with new knowledge and practical applications.
 - Seafarer training programs: Continued implementation of specialized training, including Dynamic Positioning training (03 courses) conducted in Singapore and Vung Tau, as well as Mooring Master certification and Anchor Handling training.
 - Foreign language training: Implementation of training and assessment programs to improve foreign language proficiency in accordance with TOEIC and Marlins standards.
 - Occupational safety training: Continued implementation of specialized courses on oil and gas occupational safety (H2S, TBOSIET, RIGGING/SLINGING).

4.3. Work Environment and Corporate Culture

The Company consistently focuses on fostering a professional and dynamic working environment, creating favourable conditions for employees to develop their capabilities and creativity, and to enhance long-term engagement. The Company's corporate culture is underpinned by core values, promoting a culture of collaboration, accountability, and innovation.

4.4. Risk Management

The Company continues to maintain and enhance its Health, Safety, Environment and Quality management systems in accordance with ISO 9001 standards. It also maintains vessel management systems in compliance with IMCA and OVID standards, aligned with the highest safety standards for offshore service vessels across both domestic and international operations.

In addition, TCO has achieved certification under the OVMSA (Offshore Vessel Management and Self-Assessment) programme. Developed and administered by OCIMF (Oil Companies International Marine Forum), OVMSA is a globally recognized management framework for offshore support vessel operators, covering all technical and operational aspects of vessel management, personnel, and HSEQ compliance, both onshore and offshore.

4.5. Digitalisation of Management Processes

In 2025, TCO continued to advance its digital transformation across management and operational systems, including the deployment of enterprise software solutions and e-office platforms. These initiatives enabled improvements in labour productivity, cost optimization, and enhanced operational agility.

The Company will continue to enhance and expand the application of digital solutions across all production and business activities, while extending these solutions across other entities within the TCO ecosystem.

PART II

BUSINESS PLAN, KEY TASKS AND IMPLEMENTATION STRATEGIES FOR 2026, AND DEVELOPMENT STRATEGY FOR THE UPCOMING PERIOD

1. Key Business Targets for 2026

Based on market developments, the results achieved in 2025, and an assessment of opportunities and challenges amid continued volatility in oil prices, risks of a global economic slowdown driven by geopolitical instability, and intensifying competition among offshore service vessel providers, TCO has formulated its 2026 Action Plan with the following strategic focus: **MARKET DIVERSIFICATION; DEVELOPMENT OF SUSTAINABLE SERVICES; STRENGTHENING STRATEGIC PARTNERSHIPS; ENHANCEMENT OF MANAGEMENT CAPACITY.**

Accordingly, the Company has established the following key business targets for 2026:

1.1. TCO Parent Company Business Plan:

Unit: Million VND

No.	Indicator	Actual 2025 (A5)	Plan 2026 (P6)	Ratio (P6/ A5)
1	Total revenue	3,269,833	4,924,545	150.61%
2	Profit before corporate income tax	1,078,487	910,125	84.39%
3	Net profit after corporate income tax	901,753	736,750	81.70%
4	Earnings per share (EPS) (VND/share)	2,00	1,64	—

1.2. Investment and Project Implementation Plan for 2026:

Asset Investment Plan:

- Continue the construction and completion of two new container vessels in China, in accordance with the implementation schedule approved for 2025.
- Invest in one remotely operated vehicle to support subsea operations in the oil and gas sector.
- Invest in two RTG cranes to support port handling operations.
- Continue to enhance fleet capacity through the identification, evaluation and investment in additional oil and gas service vessels to support the Company's core business operations.

Capital Investment Plan:

- The Company completed the capital contribution to increase the charter capital of Tan Cang Lach Huyen Joint Stock Company from VND 200 billion to VND 300 billion, to implement the project for the construction and operation of the "Lach Huyen Logistics Center"

at the Lach Huyen deep-water port.

➤ The Company increased its ownership interest in Tan Cang Gantry Joint Stock Company to 95%, and is studying the development of ship-to-shore cranes to supply equipment for the port system of SNP.

➤ Continue to monitor and complete legal procedures and implement the development of the Tan Cang Industrial Park project by Tan Cang Industrial Infrastructure Investment Joint Stock Company in the Thanh Toan area, in line with the industrial park investment strategy of SNP.

1.3. Implementation Strategies for the 2026 Plan:

a. Market Development and Business Management:

“Flexibility and Diversification to Navigate Market Volatility” - In the context of a global oil market oversupply leading to continued downward pressure on oil prices, TCO anticipates that upstream activities, including exploration and production projects, may be scaled back, with an increased risk of production curtailment in the upcoming period. This is expected to directly impact TCO’s core business operations in offshore service provision.

Accordingly, flexibility and diversification are identified as key strategic pillars and guiding principles for the Company’s offshore operations in 2026.

b. Market flexibility:

In addition to core markets where TCO maintains a strong presence, such as Vietnam, Thailand, and Myanmar, expansion into adjacent markets including the UAE, Brunei, and Malaysia will play a critical role in maintaining operational stability and enhancing revenue diversification in 2026.

Service diversification: Gradually positioning TCO as an integrated joint venture contractor, in collaboration with strategic partners, to deliver integrated offshore marine services.

c. Human Resource Training and Development:

The Company recognizes human resources as a core pillar of its long-term development strategy and has therefore identified the following key initiatives:

- Align business strategy with human resource development to ensure a high-quality workforce capable of supporting the Company’s growth objectives.
- Continuously enhance learning approaches and strengthen professional capabilities across all functional departments.
- Implement succession planning and leadership development programs to ensure management continuity and sustainability.
- Strengthen specialized training for seafarers in maritime safety and security, and enhance operational competencies in offshore service vessel operations, while improving foreign language proficiency. At the same time, maintain and develop a reserve pool of seafarers to meet long-term workforce requirements.

d. Financial and Investment Management:

To optimize financial resources, the Company has implemented effective financial management and investment measures, including:

- Adopting a hybrid financial governance model combining centralized oversight and decentralized execution to enable proactive decision-making while optimizing costs across the system.
- Enhancing operational efficiency through detailed budgeting and financial planning across departments, vessels, and operational segments.
- Strengthening cost control and cost optimization as a key priority to enhance profitability and support sustainable growth.

e. Digitalisation and Digital Transformation of Management Processes:

To enhance operational efficiency and optimize management processes, the Company continues to advance digitalisation and technology adoption across its management functions, with a focus on the following initiatives:

- Review and streamline internal management processes, enhance cross-functional coordination, and improve service quality and operational efficiency through digital platforms.
- Continue to deploy enterprise management systems, digitalise records and documentation, and streamline approval workflows to reduce administrative burdens and improve time and cost efficiency.
- Strengthen brand development initiatives and promote corporate culture across all activities, thereby fostering consistency and professionalism across the organisation.

2. Strategic Vision to 2032:

The Company aims to achieve sustainable growth and expansion through the implementation of long-term strategies, including:

- Develop and enhance human capital, establish policies to attract and retain talent, and support comprehensive and sustainable development.
- Expand into international markets and establish joint ventures in key markets such as Thailand and Malaysia, thereby enhancing competitiveness and expanding the scope of operations.
- Develop a new investment cycle by identifying strategic locations for the development of logistics infrastructure, aligned with the Company's existing business segments, to enhance overall supply chain value.

With a clear strategic direction and a commitment to sustainable development, the Company will continue to innovate, expand its market presence, and strengthen its competitive position, with the objective of achieving strong growth in the coming period.

The above constitutes a summary of TCO's business performance in 2025, operational direction for 2026, and long-term development strategy.

Respectfully submitted to the 2026 Annual GMS for consideration and approval.

Respectfully submitted.

Recipients:

- As above;
- BOD, BOM, BOS;
- Archived by Corporate Secretary

**ON BEHALF OF THE BOARD OF
MANAGEMENT**

GENERAL DIRECTOR



NGUYEN PHUNG HUNG